TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2021
V/*v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Long

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 01tháng 10 năm 2021về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số:108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh Mỹ A, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 04, ngõ 122, Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thanh Mỹ A tại Việt Nam: Số nhà 04, ngõ 122, Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 01/10/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thanh Mỹ A có được tự do tìm trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất về quan điểm và không có tiếng nói chung nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn có lời nói to tiếng ảnh hưởng tới cuộc sống về lâu về dài. Nên đến tháng 8/2019 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, đến tháng 11/2019 thì chị A đã đi nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước và vợ chồng đã thỏa thuận đồng ý ly hôn. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

Về con chung: Anh chị không có con chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh S còn trình bày: Anh đã lâu không liên lạc được với chị A nên anh không biết được địa chỉ của chị A ở đâu nên không cung cấp cho Tòa án được. Anh chỉ cung cấp địa chỉ cuối cùng của chị A ở Việt Nam là tại Số nhà 04, ngõ 122, tổ dân phố H, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh đề nghị Toà án xác minh địa chỉ của chị A thông qua bố mẹ chị A là ông Nguyễn Hữu L có địa chỉ tại số nhà 04, ngõ 122, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài cho Toà án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thanh Mỹ A được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh Mỹ A hiện đang lao động tại nước ngoài không có bản tự khai.

Ngày 07/10/2021 và ngày 22/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có biên bản làm việc với ông Nguyễn Hữu L là bố đẻ của chị Nguyễn Thanh Mỹ A để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông L thông báo cho chị A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thanh Mỹ A; yêu cầu chị A viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị A ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị A đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị A biết để chị A gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị A gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thanh Mỹ A vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh S; Biên bản làm việc với ông L là bố đẻ của chị A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thanh Mỹ A không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thanh Mỹ A; Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị A là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238; điều 271, điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn S là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thanh Mỹ A, chị Nguyễn Thanh Mỹ A hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 9341/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 15/4/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì chị A xuất cảnh ngày 06/11/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị A ở Việt Nam là: Số nhà 04, ngõ 122, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn S là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thanh Mỹ A vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị A là ông Nguyễn Hữu L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông L thông báo cho chị A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thanh Mỹ A, yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị A ở nước ngoài. Ông Nguyễn Hữu L trình bày: Chị Nguyễn Thanh Mỹ A vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị A cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị A biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thanh Mỹ A theo quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thanh Mỹ A kết hôn ngày 03/11/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh S trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất về quan điểm và không có tiếng nói chung nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn có lời nói to tiếng ảnh hưởng tới cuộc sống về lâu về dài, nên đến tháng 8/2019 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, và đến tháng 11/2019 thì chị A đã đi xuất khẩu lao động từ đó đến nay chưa về nước và vợ chồng đã thỏa thuận đồng ý ly hôn. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn với nhau được một thời gian ngắn anh S và chị A đã nhận thấy cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không hạnh phúc, không có tình cảm vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt được kết quả như mong muốn dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân nhau và chị A đã đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài. Vợ chồng không quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

[4]. Về con chung: Anh S và chị A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân

gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thanh Mỹ A.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000106 ngày 01/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thanh Mỹ A hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND phường T, thành phố B;
-Công TTĐT Tòa án nhân dân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền